

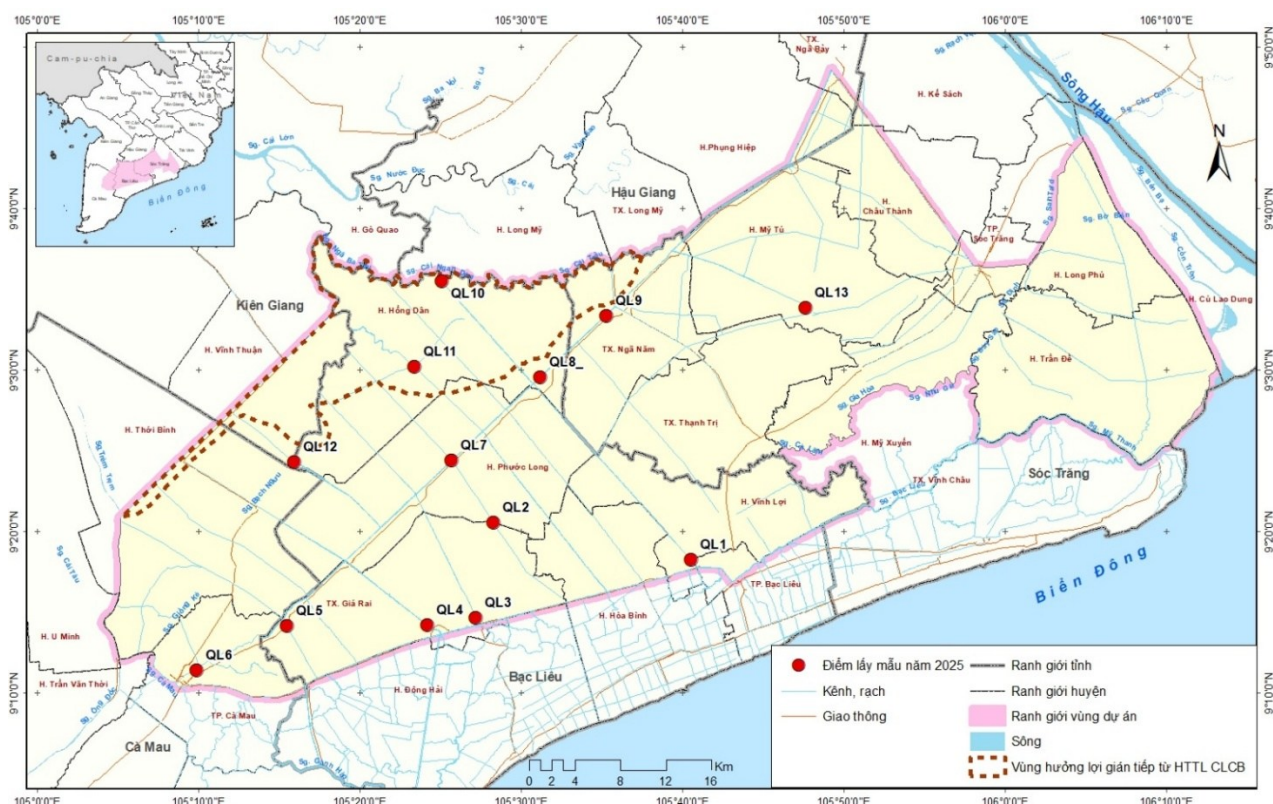
BẢN TIN TUẦN KỲ 11

“Đợt đo ngày 28/04/2025, dự báo từ 05/05/2025 đến 11/05/2025”

1. Kết quả giám sát chất lượng nước ngày 28/04/2025

1.1. Vị trí lấy mẫu

Vị trí các trạm giám sát, dự báo chất lượng nước được chọn để bảo đảm không chế đều chất lượng nước trong khu vực giám sát, kiểm soát được các tác động bên ngoài, đánh giá được các nguồn thải, phục vụ cho mô hình dự báo chất lượng nước. Nhiệm vụ quan trọng 13 điểm phục vụ giám sát, dự báo chất lượng nước được trình bày trong hình sau:



Hình 1: Sơ đồ vị trí các điểm giám sát chất lượng nước năm 2025

1.2. Kết quả đo đạc chất lượng nước tại 13 vị trí lấy mẫu

TT	Vị trí thu mẫu (Kí hiệu)	pH	Mặn	TSS	DO	BOD ₅	COD	TP	TN	Coliform	WQI	Khuyến cáo
			‰	mg/l	mgO ₂ /l			mg/l		MPN/ 100ml		
	QCVN08:2023 -BTNMT (Bảng 2, mức B) (*)	6- 8,5		≤100	≥5	≤6	≤15	≤0,3	≤1,5	≤5000		
1	Trước cống Cầu Sập trên kênh Quản Lộ – Bạc Liêu (QL1)	7,13	2,3	432,00	1,88	30,2	55,2	1,87	12,92	52000	19	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây ô nhiễm nặng, oxy hoà tan thấp, các chỉ số về chất rắn lơ lửng, ô nhiễm hữu cơ, dinh dưỡng và vi sinh vượt mức B nhiều lần. Cần có biện pháp cảnh báo, xử lý nguồn nước trước khi đưa vào phục vụ SXNN.
2	Trên giữa kênh Vĩnh Phong thuộc xã Vĩnh Thanh (QL2)	7,27	1,2	106,80	5,29	25,1	45,2	0,20	12,63	8400	43	Theo chỉ số WQI, chất lượng nước ở đây xấu, cần có các biện pháp xử lý chất ô nhiễm hữu cơ, vô cơ, dinh dưỡng trước khi cấp nước cho SXNN.
3	Trong cống Phó Sinh trên kênh Quản Lộ - Giá Rai (QL3)	7,1	25,5	98,15	5,10	10,5	20,2	0,37	2,10	7200	62	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây trung bình, có thể sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, tuy nhiên cần lưu ý

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Quản Lộ - Phụng Hiệp, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.
(Ngày lấy mẫu 28/04/2025)

													xử lý ô nhiễm hữu cơ, vi sinh trong nước.
4	Trước cống Chủ Chí trên kênh Hộ Phòng (QL4)	7,42	26,2	71,26	3,53	9,5	18,2	0,36	2,16	4100	68	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây trung bình, có thể cấp nước phục vụ NTTS tuy nhiên cần lưu ý nồng độ oxy hoà tan thấp, ảnh hưởng đến đối tượng nuôi.	
5	Trên kênh xáng Láng Trâm (QL5)	7,49	26,7	97,35	5,16	12,4	25,2	0,63	3,13	5900	64	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây trung bình, có thể sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản. Tuy nhiên cần có biện pháp xử lý hữu cơ, dinh dưỡng trước khi đưa vào ao nuôi	
6	Trong cống Cà Mau tại cuối kênh Quản Lộ Phụng Hiệp (QL6)	7,42	24,2	108,20	3,80	26,4	48,2	1,92	11,78	9500	34	Theo chỉ số WQI, chất lượng nước ở đây xấu, cần tăng nồng độ Oxy hoà tan và xử lý ô nhiễm hữu cơ, dinh dưỡng trong nước để đảm bảo sự phát triển cho con nuôi.	
7	Điểm lấy mẫu đầu kênh Ninh Thạnh Lợi (QL7)	7,52	22,4	68,30	5,33	8,1	15,7	0,28	1,15	4700	76	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây tốt, có thể cấp nước cho SXNN sau khi áp dụng các biện pháp xử lý thích hợp.	

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Quản Lộ - Phụng Hiệp, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.
(Ngày lấy mẫu 28/04/2025)

8	Sau âu thuyền Ninh Quới trên kênh Quản Lộ Phụng Hiệp (QL8)	7,17	1,7	17,62	5,25	12,4	23,2	0,30	3,43	8400	57	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây có chất lượng trung bình, cần lưu ý độ mặn cao vượt ngưỡng chịu mặn cây lúa.
9	Điểm lấy mẫu ở vị trí Cống Đá trên kênh Quản Lộ-Phụng Hiệp (QL9)	7,12	0,2	86,50	5,29	14,3	26,2	0,29	4,42	7600	56	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây trung bình, có thể dùng cấp nước tưới tiêu cây trồng sau khi có biện pháp xử lý ô nhiễm hữu cơ, dinh dưỡng phù hợp.
10	Điểm lấy mẫu cuối kênh xáng Ngan Dừa (QL10)	6,96	4,3	19,36	5,97	13,5	25,4	0,40	4,13	5800	69	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây trung bình, cần tăng độ mặn và xử lý ô nhiễm hữu cơ, vi sinh trước khi đưa vào ao nuôi tôm.
11	Điểm lấy mẫu tại kênh Cộng Hoà (QL11)	7,05	14,1	100,10	3,25	13,2	22,4	0,29	2,19	7600	53	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây trung bình có thể lấy nước phục vụ nuôi trồng thủy sản. Cần chú ý xử lý nước trước khi đưa vào ao nuôi do chỉ số ô nhiễm hữu cơ và vi sinh cao và độ oxy hoà tan thấp.
12	Điểm giao kênh Phong Thạnh Tây với sông Bạch Ngưu (QL12)	7,32	24,2	56,75	5,21	10,4	19,4	0,37	1,85	5200	70	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây trung bình, có thể dùng cho nuôi trồng thủy sản. Tuy nhiên cần có biện pháp xử lý

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Quản Lộ - Phụng Hiệp, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.
(Ngày lấy mẫu 28/04/2025)

												trước khi đưa vào ao nuôi.
13	Trong cống Mỹ Phước trên kênh xáng Mỹ Phước (QL13)	7,27	0,2	28,40	5,15	10,5	18,3	0,27	1,13	4700	72	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây trung bình, có thể dùng cho việc lấy nước phục vụ tưới tiêu cây trồng. Cần có biện pháp xử lý ô nhiễm hữu cơ và vi sinh trước khi đưa vào ruộng lúa.

Ghi chú: Các giá trị in đậm là các giá trị vượt ngưỡng cho phép

Thang đo giá trị WQI và mức đánh giá chất lượng nước tương ứng

Giá trị WQI	Mức đánh giá chất lượng nước (phù hợp sử dụng)
91 - 100	Rất tốt, cấp nước cho sinh hoạt
76 - 90	Tốt, cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp
51 - 75	Trung bình, cấp tưới tiêu và các mục đích tương đương khác
26 - 50	Kém, giao thông thủy và các mục đích tương đương khác
10 - 25	Ô nhiễm nặng, nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai
< 10	Ô nhiễm rất nặng

Bảng 2: Kết quả phân tích dư lượng thuốc bảo vệ thực vật

TT	Vi trí thu mẫu	Alrin	Dieldrin	Tổng DDT	Heptachlor&Heptachlorepoixide	Hexachlorobenzene
	(Kí hiệu)	$\mu\text{g/l}$				
	QCVN 08:2023/BTNMT	$\leq 0,1$	$\leq 0,1$	$\leq 1,0$	$\leq 0,2$	$\leq 0,04$
1	Trên giữa kênh Vĩnh Phong thuộc xã Vĩnh Thanh (QL2)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
2	Điểm lấy mẫu đầu kênh Ninh Thạnh Lợi (QL7)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
3	Điểm lấy mẫu cuối kênh xáng Ngan Dừa (QL10)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH

Nhận xét chung: - Chỉ tiêu phân tích thuốc bảo vệ thực vật trong đợt lấy mẫu ngày 28/04/2025 của HTTL Quản Lộ Phụng Hiệp được lấy tại 3 vị trí đại diện QL2, QL7 và QL10, các điểm này nằm ở vị trí giáp ranh giữa tiểu vùng ngọt hóa, chuyển đổi và đang trong giai đoạn gieo sạ vụ Hè Thu năm 2025

- Nhìn chung, kết quả phân tích cho thấy dư lượng thuốc bảo vệ thực vật tại các vị trí đều không phát hiện và nằm trong ngưỡng GHCP theo QCVN08:2023, đảm bảo phục vụ cấp nước sản xuất nông nghiệp trong vùng dự án.

Ghi chú:

KPH: Không phát hiện

2. Dự báo chất lượng nước ngày 05/05÷11/05/2025

Kết quả dự báo 4 chỉ tiêu chính bao gồm: độ mặn, DO, BOD₅, TN từ ngày 05/05/2025 đến 11/05/2025 được thể hiện qua các Bảng 2 đến Bảng 5 như sau:

2.1. Độ mặn

Độ mặn dự báo từ 05/05÷11/05/2025 dao động trong khoảng 0,11÷25,56‰. Tại tiểu vùng ngọt hóa, độ mặn vẫn duy trì ở mức thấp, chủ yếu dưới 2‰, đảm bảo nguồn nước ngọt cho sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên cần lưu ý độ mặn vượt ngưỡng chịu mặn của lúa tại vị trí QL1 một vài thời điểm trong tuần. Tại tiểu vùng chuyển đổi, độ mặn tiếp tục duy trì ở mức phù hợp cho nuôi trồng thủy sản, tại hầu hết các vị trí. Riêng QL10 có độ mặn dự báo dưới mức 5‰ nên chưa hoàn toàn thích hợp cho nuôi tôm.

Bảng 2: Giá trị dự báo độ mặn tại các điểm giám sát từ 05/05÷11/05/2025

Kí hiệu	Tiểu vùng	Dự Báo							‰	
		05/05	06/05	07/05	08/05	09/05	10/05	11/05	Min	Max
QL1	Ngọt hóa	2,45	2,12	1,56	2,56	2,34	1,53	1,23	1,23	2,56
QL2		1,36	1,29	1,22	1,17	1,03	0,98	0,92	0,92	1,36
QL8		1,22	1,28	1,31	1,27	1,19	1,13	1,13	1,13	1,31
QL9		0,17	0,22	0,28	0,11	0,18	0,18	0,13	0,11	0,28
QL13		0,20	0,16	0,14	0,18	0,30	0,24	0,18	0,14	0,30
QL3	Chuyển đổi	23,43	22,78	25,39	24,80	23,95	22,44	21,82	21,82	25,39
QL4		22,93	22,96	23,14	23,53	23,80	23,12	21,45	21,45	23,80
QL5		21,90	22,18	23,63	23,56	23,39	23,19	22,99	21,90	23,63
QL6		24,81	24,59	24,52	23,96	22,58	21,39	19,90	19,90	24,81
QL7		21,17	21,62	22,37	23,18	23,88	24,30	24,44	21,17	24,44
QL10		4,00	4,01	4,05	4,11	4,18	4,27	4,08	4,00	4,27
QL11		12,92	12,67	12,35	12,01	11,81	11,79	11,95	11,79	12,92
QL12		24,87	25,56	22,51	25,32	24,99	24,37	24,10	22,51	25,56
Ranh mặn		<1 ‰	1‰-4‰		>4‰					

2.2. Oxy hòa tan (DO)

Hàm lượng DO dự báo dao động trong tuần từ 2,19÷5,99 mg/l có xu hướng giảm so với tuần trước. Nồng độ DO tại một số vị trí như QL4, QL6 và QL11 có nồng độ Oxy hòa tan không đạt mức B trong cả tuần. Cần tiếp tục theo dõi để đảm bảo không có xu hướng giảm DO trong tương lai, đặc biệt tại vị trí như QL1, nơi giá trị DO thấp nhất có thể dưới mức 3 mg/L.

Bảng 3: Giá trị dự báo DO tại các điểm giám sát từ 05/05÷11/05/2025

Kí hiệu	Tiểu vùng	Dự Báo							mg/l	
		05/05	06/05	07/05	08/05	09/05	10/05	11/05	Min	Max
QL1	Ngọt hóa	2,19	3,25	3,93	4,24	5,20	5,01	4,90	2,19	5,20
QL2		4,93	4,98	5,05	5,16	5,26	5,33	5,37	4,93	5,37
QL8		5,69	5,72	5,75	5,77	5,81	5,83	5,82	5,69	5,83

QL9		5,74	5,74	5,73	5,73	5,73	5,73	5,73	5,73	5,74	
QL13		5,87	5,89	5,89	5,86	5,85	5,84	5,84	5,84	5,89	
QL3	Chuyển đổi	5,61	5,61	5,59	5,56	5,51	5,41	5,30	5,30	5,61	
QL4		4,46	4,04	3,82	4,02	4,63	4,66	4,73	3,82	4,73	
QL5		5,80	5,78	5,75	5,76	5,84	5,93	5,99	5,75	5,99	
QL6		3,98	3,74	3,47	3,51	3,77	4,10	4,34	3,47	4,34	
QL7		5,41	5,42	5,89	5,90	5,90	5,90	5,90	5,41	5,90	
QL10		5,50	5,53	5,55	5,56	5,56	5,54	5,53	5,50	5,56	
QL11		3,76	3,28	3,29	3,50	3,50	3,30	3,92	3,28	3,92	
QL12		5,30	5,30	5,29	5,29	5,29	5,29	5,29	5,29	5,30	
QCVN08:2023 (Bảng 2)		Đạt mức A: $\geq 6,0$			Đạt mức B: $\geq 5,0$			Không đạt mức B: $< 5,0$			

2.3. Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD₅)

Hàm lượng BOD₅ trong tuần dao động từ 8,7 mg/l – 26,76 mg/l, tăng cao so với tuần trước, và vượt mức B của QCVN08 nhiều lần tại một số vị trí. Đặc biệt tại điểm QL1, QL2, QL6 có hàm lượng BOD₅ cao nhất dự báo đều trên 22 mg/l. Cần có biện pháp xử lý thích hợp trước khi cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Bảng 4: Giá trị dự báo BOD₅ tại các điểm giám sát từ 05/05÷11/05/2025

Kí hiệu	Tiểu vùng	Dự Báo							mg/l	
		05/05	06/05	07/05	08/05	09/05	10/05	11/05	Min	Max
QL1	Ngọt hóa	26,13	26,49	26,02	26,45	26,76	25,35	23,05	23,05	26,76
QL2		22,52	24,33	24,74	23,11	23,58	20,14	20,13	20,13	24,74
QL8		14,79	14,83	14,58	14,43	14,57	14,73	14,67	14,43	14,83
QL9		13,85	13,61	13,41	13,28	13,17	13,06	12,95	12,95	13,85
QL13		10,35	10,19	10,06	9,98	9,94	9,98	10,11	9,94	10,35
QL3		Chuyển đổi	10,59	10,51	10,41	10,32	10,27	10,23	10,21	10,21
QL4	9,63		9,60	9,53	9,42	9,33	9,26	9,18	9,18	9,63
QL5	15,60		15,73	15,85	15,97	16,12	16,33	16,59	15,60	16,59
QL6	19,84		20,62	22,04	19,21	19,27	19,97	19,14	19,14	22,04
QL7	9,00		8,92	8,83	8,75	8,70	8,74	8,84	8,70	9,00
QL10	12,90		12,98	13,01	13,13	13,41	13,74	13,94	12,90	13,94
QL11	15,44		15,42	15,64	16,06	16,28	16,74	17,01	15,42	17,01
QL12	12,99		13,74	14,85	15,34	14,86	14,13	14,47	12,99	15,34
QCVN08:2023 (Bảng 2)		Đạt mức A: ≤ 4			Đạt mức B: ≤ 6			Không đạt mức B: > 6		

2.4. Tổng Nito (TN)

Giá trị TN trong tuần dự báo dao động từ 0,86 - 14,20 mg/l, tăng nhẹ so với tuần trước. Hầu hết các vị trí trong vùng dự án có giá trị TN vượt ngưỡng mức B tất cả các ngày trong tuần. Cần có biện pháp xử lý phù hợp trước khi sử dụng nước. Đặc biệt, tại vị trí QL1 giá trị TN liên tục vượt ngưỡng mức B từ 8-9 lần. Tại tiểu vùng chuyển đổi các vị trí QL5, QL6 và QL10 cũng có giá trị TN dự báo vượt ngưỡng nhiều lần. Do đó, cần có các giải pháp kiểm soát chất lượng nước trước khi đưa vào ao nuôi tôm cá.

Bảng 5: Giá trị dự báo TN tại các điểm giám sát từ 05/05÷11/05/2025

Kí hiệu	Tiểu vùng	Dự Báo							mg/l	
		05/05	06/05	07/05	08/05	09/05	10/05	11/05	Min	Max
QL1	Ngọt hóa	14,20	13,91	12,75	11,98	11,74	11,89	12,04	11,74	14,20
QL2		8,17	8,72	9,08	9,18	8,96	8,36	7,37	7,37	9,18
QL8		3,22	3,30	3,35	3,33	3,26	3,18	3,10	3,10	3,35
QL9		4,36	4,22	4,12	4,04	3,96	3,89	3,84	3,84	4,36
QL13		1,36	1,33	1,27	1,22	1,18	1,15	1,13	1,13	1,36
QL3	Chuyển đổi	1,19	1,10	0,98	0,94	0,91	0,87	0,86	0,86	1,19
QL4		1,29	1,37	1,43	1,49	1,54	1,61	1,66	1,29	1,66
QL5		3,49	3,49	3,45	3,37	3,31	3,27	3,25	3,25	3,49
QL6		11,41	11,57	10,66	10,40	9,03	9,00	7,76	7,76	11,57
QL7		1,97	1,99	1,62	1,77	1,86	1,79	1,77	1,62	1,99
QL10		4,02	4,04	3,97	3,85	3,79	3,85	3,98	3,79	4,04
QL11		2,54	2,59	2,61	2,59	2,56	2,51	2,47	2,47	2,61
QL12		1,98	1,98	1,98	1,89	1,77	1,66	1,55	1,55	1,98
QCVN08:2023 (Bảng 2)		Đạt mức A: $\leq 0,6$			Đạt mức B: $\leq 1,5$			Không đạt mức B: $> 1,5$		

Khuyến cáo: Trong thời gian từ 05/05÷11/05, độ mặn có xu hướng ổn định, tuy nhiên cần chú ý vị trí QL10 có độ mặn cao vẫn còn thấp dưới mức 5‰, chưa thật sự thích hợp nuôi tôm. DO trong vùng dự án có xu hướng giảm so với tuần trước, chưa đảm bảo cho sản xuất và nuôi trồng thủy sản. Hàm lượng BOD₅ tăng cao đặc biệt tại một số vị trí (QL1, QL2, QL6). Cần chú ý ô nhiễm dinh dưỡng cao tại hầu hết các vị trí trong vùng dự án.

Nơi nhận

- Lãnh đạo Bộ (đề b/c);
- Lãnh đạo Cục Quản lý và xây dựng công trình thủy lợi (đề b/c);
- Lãnh đạo Sở NN&MT, CTTL, Công ty khai thác công trình thủy lợi các tỉnh Bạc Liêu, Sóc Trăng, Cà Mau;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc Cục Quản lý và xây dựng công trình thủy lợi (đề b/c);
- Webgis Cục Quản lý và xây dựng công trình thủy lợi, Website Viện Kỹ thuật Biển (đề b/c);
- Lưu TT TNB&ĐB



Phạm Văn Tùng